

MS. CHI ENGLISH

Name: _____

Date: .../ .../ 20...

Class: GE8

Tel: 038 255 2594

GLOBAL ENGLISH 8: UNIT 12 – PEOPLE AND THEIR JOBS

VOCABULARY 1

A. VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	physiotherapist (n) /fɪzɪəʊ'θerəpɪst/	nhà vật lý trị liệu	18	electricity (n) /ɪ'lektrɪsəti/	điện, điện lực
2	physiotherapy (n) /fɪzɪəʊ'θerəpi/	vật lý trị liệu	19*	publishing (n) /'pʌblɪʃɪŋ/	công việc xuất bản
3*	pharmacist (n) /'fa:məsɪst/	dược sĩ	20*	pharmaceutical (adj) /fa:mə'su:tɪkl/	thuộc ngành dược
4*	instructor (n) /ɪn'strʌktə(r)/	người hướng dẫn	21	pharmaceutical company (n) /fa:mə'su:tɪkl 'kʌmpəni/	công ty dược phẩm
5*	carpenter (n) /'ka:pəntə(r)/	thợ mộc	22	import (v) /ɪm'pɔ:t/	nhập khẩu
6*	plumber (n) /'plʌmə(r)/	thợ sửa ống nước	23	export (v) /'ekspɔ:t/	xuất khẩu
7	paramedic (n) /pærə'medɪk/	hộ lý, nhân viên cấp cứu	24	risk + <i>V-ing/N</i> (v) /rɪsk/	mạo hiểm
8	car mechanic (n) /ka:(r)mə'kænɪk/	thợ sửa xe	25	machinery (n) /mə'ʃi:nəri/	máy móc, cơ khí
9*	shop assistant (n) /ʃɒp ə'sɪstənt/	nhân viên bán hàng	26	involve (in) + V-ing/N (v) /ɪn'velve/	có liên quan đến
10*	optician (n) /ɒptɪʃn/	chuyên gia nhãn khoa	27	community (n) /kə'mju:nəti/	cộng đồng
11	electrician (n) /ɪ'lektrɪʃn/	thợ điện	28	hydrant (n) /'haɪdrənt/	vòi nước, van lấy nước
12*	warden (n) = supervisor /'wɔ:dn/ /'su:pəvaɪzə(r)/	người canh gác, giám sát	29	inspection (n) /ɪn'spekJn/	sự kiểm tra
13	waiter (n) /'weɪtə(r)/	nam nhân viên bồi bàn	30	similar to (adj) /'sɪmələ(r)/	giống, tương tự với cái gì
14	waitress (n) /'weɪtrəs/	nữ nhân viên bồi bàn	31	keep up with (phr.v)	theo kịp, bắt kịp với ai/ cái gì

15	life-and-death (adj) /laɪf ən 'deθ/	rất quan trọng, một mất một còn	32	technology (n) /tek'nɒlədʒi/	công nghệ
16	have own business /'bɪznəs/	có công việc kinh doanh riêng	33	shift (n) /ʃɪft/	ca làm việc
17	electric (adj) /ɪ'lektrɪk/	(thuộc) điện, dùng điện, sản sinh ra điện	34	take over (phr.v)	tiếp quản

Từ vựng mở rộng

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	pipe (n) /paɪp/	đường ống nước	4	examine (v) /ɪg'zæmɪn/	thăm khám, kiểm tra, kiểm định
2	eyesight (n) /'aɪsait/	thị lực	5	vision (n) /'vɪʒn/	tầm nhìn, viễn cảnh
3	prescription (n) /prɪ'skriptʃn/	đơn thuốc	6	freedom (n) /'fri:dəm/	sự tự do

*Note: n = noun (danh từ); adj = adjective (tính từ); v = verb (động từ);

phr.v = phrasal verb (cụm động từ)

Từ có ký hiệu * có 2 cách phát âm

Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.

B. HOMEWORK

*Note: DO NOT apply short forms (contractions) in sentences.

Use “was not/ do not/ have not...” instead of “wasn’t/ don’t/ haven’t...”

I. Read the descriptions and write the job titles.

0. A plumber fixes your water pipes.

1. A _____ gives you medicine when you are sick.
2. A _____ serves customers, she works at coffee shops and restaurants.
3. An _____ examines people’s eyes and sells glasses for people with bad eyesight.
4. An _____ connects and repairs electrical devices.
5. A _____ helps people who are sick or injured, but he or she is not a doctor or a nurse.

II. Circle the correct answers to complete the following questions.

0. Vietnamese fruits are often **imported** / **exported** to the United States.

1. You should study hard so that you can **keep up with** / **be similar to** your classmates.
2. My brother who works as a fire-fighter has to do daily training and **warden** / **inspection**.
3. It is hoped that the project will encourage members of the **community** / **publicity** to take actions.
4. We had to wait for the **pharmacist** / **pharmaceutical company** to give us a prescription.
5. Tesla is famous for selling **electric** / **electricity** cars.

III. Connect the definitions (1-5) with the corresponding words (b-f).

Definitions	Words
0. <i>tending to only about yourself and not thinking about the feelings of other people</i>	a. <i>self-centered</i>
1. a person with unusually great intelligence or skill	b. <i>fashionable</i>
2. pleasant and easy to like	c. <i>genius</i>
3. wearing clothes, doing things, and going to places that are stylish	d. <i>intelligent</i>
4. clever and quick at understanding	e. <i>ambitious</i>
5. having a strong wish to be successful, powerful, or rich	f. <i>likeable</i>

Answers:

0- a

1-

2-

3-

4-

5-

IV. Look at the pictures and guess what jobs they are.

0.



→ *carpenter*

1.



→ _____

2.



→ _____

3.



→ _____

4.



→ _____

5.



→ _____

V. Put the words and phrases in the right order.

0. is / He / such / ate / greedy / boy / , / he / all / the chocolate / a /.

→ *He is such a greedy boy, he ate all the chocolate.*

1. good / stereotypical / fits / image / of / a / the / He / student /.

→

2. The phone / another / is / so / to / phone / from / the 1990s / similar /.

→

3. The main character / the moment / is / decision / a / life-and-death / facing / at /.

→

4. his / He / students / vision / with / a / of / freedom / inspired /.

→

5. What / of / kind / organizations / will / involved / be / in / creating / these / projects / ?

→

VI. Write a paragraph of 5 to 7 sentences about a job you'd like to do in the future.

FCE 2008 (1) – TEST 4 – PART 1

Con làm bài nghe tại link sau: <https://youtu.be/4lcU8Hrhrg8>

Test 4

PAPER 4 LISTENING (approximately 40 minutes)

Part 1

You will hear people talking in eight different situations. For questions 1–8, choose the best answer (A, B or C).

- 1 You hear someone talking about women's football.
What is she doing when she speaks?
 - A encouraging young girls to support a team
 - B suggesting how to attract young girls to the sport
 - C asking young girls to take the sport seriously

- 2 You hear a man talking on the radio about a bag made for use on walking trips.
How does this new bag differ from others?
 - A It has pockets on the side.
 - B You can take off the rain cover.
 - C There are some extra features.

- 3 On the radio, you hear a man discussing a cartoon film about dinosaurs.
What aspect of the film disappointed him?
 - A the design of the backgrounds
 - B the quality of the sound effects
 - C the size of the dinosaurs

- 4 You overhear a couple talking about keeping fit.
What do they agree about?
 - A the need to be more active
 - B the benefits of joining a gym
 - C the dangers of too much exercise

5 In a radio play, you hear a woman talking on the phone to a friend. Where does the woman want her friend to meet her?

A on the beach
B at the bank
C in a shop

6 You hear a student talking to his friend about a meeting with his tutor. What was the student's purpose in meeting his tutor?

A to see if there was a part-time job available
B to ask for financial assistance
C to request more time to complete coursework

7 You hear a man talking about learning how to paint landscapes. What does he say about it?

A It proved easier than he had thought.
B It showed him he had some talent.
C It opened up opportunities for him.

8 You turn on the radio and hear a man talking. What is he talking about?

A finding friendship
B solving problems
C helping others